

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai
đoạn 2022- 2030, tầm nhìn 2045

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xác định cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để các cấp, các ngành và đơn vị liên quan triển khai thực hiện, nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng nguồn lực, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của huyện, đảm bảo phát triển ngành chăn nuôi phù hợp với quan điểm, mục tiêu và định hướng phát triển giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Yêu cầu

- Tổ chức quán triệt nội dung của kế hoạch tới các cơ quan, đơn vị có liên quan, người dân và doanh nghiệp để nắm chắc quan điểm, mục tiêu, chủ trương, định hướng và các giải pháp thực hiện.

- Xây dựng các nhiệm vụ trọng tâm cần ưu tiên thực hiện đối với từng lĩnh vực trong ngành chăn nuôi giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, từ đó xây dựng các nội dung, tiến độ và trách nhiệm trong triển khai thực hiện.

- Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất, sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các ngành, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- *Đến năm 2030*: phát huy tiềm năng, lợi thế của các vùng và thích ứng với biến đổi khí hậu để phát triển chăn nuôi toàn diện, theo hướng tập trung, ứng dụng khoa học và công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả bảo đảm an toàn sinh học, dịch bệnh, môi trường và an toàn thực phẩm; tăng cường liên kết, hợp tác trong chăn nuôi theo chuỗi liên kết giá trị có khả năng cạnh tranh; đẩy mạnh chăn nuôi hữu cơ theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, an toàn, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

- *Tầm nhìn đến năm 2045*: xây dựng ngành chăn nuôi xã Cẩm Châu cơ bản được áp dụng công nghệ khoa học kỹ thuật ở hầu hết các khâu từ sản xuất, vận chuyển, giết mổ, sơ chế, chế biến, đến kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm; không chế và kiểm soát tốt các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; bệnh lây nhiễm sang người; sản phẩm chăn nuôi thịt, trứng được sản xuất trong các cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học và thân thiện với môi trường góp phần bảo đảm an ninh dinh dưỡng, thực phẩm, đảm bảo an sinh xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025.

Mức tăng trưởng giá trị sản xuất chăn nuôi trung bình hàng năm giai đoạn 2021 - 2025 đạt trên 5,0 %/năm.

Tổng giá trị sản xuất chăn nuôi cả giai đoạn theo giá hiện hành đạt khoảng tỷ đồng.

a. Tổng đàn chăn nuôi

Đàn trâu, bò: 600 con trở lên; đàn lợn 885 con trở lên; đàn dê 1.500 con trở lên; đàn gia cầm 58.000 lượt con nuôi trở lên; tổng đàn gà đạt 54.000 con, trong đó, đàn gà lông màu 37.000 con; gà ri, gà mía, gà đồi đạt 17.000 con; ngan, vịt đạt 4.000 con, 20% tổng đàn được nuôi theo phương thức công nghiệp.

- Phát triển tổng đàn trang trại, gia trại chăn nuôi gia súc, gia cầm:
- + Xây dựng gia trại chăn nuôi gia súc, gia cầm: 12 gia trại.

b. Sản phẩm chăn nuôi

- Sản lượng thịt hơi các loại: đạt từ 836,5 tấn, trong đó: thịt lợn đạt từ 40%, thịt gia cầm đạt từ 35 %, thịt gia súc ăn cỏ đạt từ 25 %.
- Sản lượng trứng: Đạt 7.500 quả trứng trở lên.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030.

Mức tăng trưởng giá trị sản xuất chăn nuôi trung bình hàng năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 5,5 % trở lên.

a. Tổng đàn chăn nuôi.

Đàn trâu đạt 600 con, trong đó tỷ lệ lai hóa đàn trâu đạt 60%. Đàn bò đạt 150 con, trong đó đàn bò thịt đạt 85 con.

Đàn lợn đạt 10.000 con, trong đó đàn lợn nái 180 con đến 350 con (trong đó nái ngoại chiếm 85 % tổng đàn), lợn hướng nạc 9000 con, tỷ trọng lợn nạc đạt 60% tổng đàn; đàn lợn được nuôi trang trại, công nghiệp chiếm trên 60%.

Đàn gia cầm đạt 80.000 con: tổng đàn gà đạt 75.000 con (trong đó, đàn gà thịt là 72.000 con, gà đẻ trứng 3000 con); Ngan, vịt cỏ, vịt bầu, đạt 5.000 con, 50% tổng đàn được nuôi theo phương thức công nghiệp.

- Vật nuôi khác:

Đàn dê đạt 1800 con, 60% được nuôi tại các trang trại theo phương thức bán công nghiệp kết hợp chăn thả có kiểm soát.

b. Sản phẩm chăn nuôi.

Sản lượng thịt hơi các loại: đạt từ 890 tấn, trong đó: thịt lợn đạt từ 46%, thịt gia cầm đạt từ 29%, thịt gia súc ăn cỏ từ 25%.

- Sản lượng trứng: đạt 12.000 quả trứng trở lên.

Xây dựng vùng, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh: xây dựng 01 vùng cấp xã trở lên (thôn Đông Thanh).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền:

- Nâng cao nhận thức và tầm quan trọng định hướng chung của ngành chăn nuôi, mục tiêu, quan điểm, vai trò và tầm quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng; đồng thời, tiếp tục chú trọng nội dung tuyên truyền, tập huấn Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Chiến lược phát triển chăn nuôi; Chương trình phát triển sản xuất giống vật nuôi; Nghị quyết Hội đồng nhân dân các cấp; Quyết định, Kế hoạch của UBND tỉnh, cấp huyện và các văn bản chỉ đạo về chăn nuôi, thú y.

- Thông tin, tuyên truyền phổ biến các chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh, quán triệt sâu sắc cho toàn thể cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ đảng viên trực tiếp làm việc, tiếp xúc với người chăn nuôi để tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi hiểu, đồng thuận tổ chức thực hiện, từng bước thay đổi nhận thức và các thói quen không phù hợp trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi. Đẩy mạnh chương trình khuyến nông chăn nuôi theo chuỗi khép kín, bảo đảm người chăn nuôi có thể làm chủ được kỹ thuật để sản xuất sản phẩm chăn nuôi an toàn và hiệu quả, chuyển giao quy trình, công nghệ chăn nuôi cho nông hộ, trang trại phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và vùng sinh thái.

2. củng cố nâng cao năng lực quản lý nhà nước ngành chăn nuôi, thú y.

- Tiếp tục đào tạo nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho cán bộ chăn nuôi, thú y cấp huyện, nhất là hệ thống chăn nuôi thú y cấp xã. Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ gắn với hoạt động khuyến nông. Chú trọng đào tạo kỹ thuật chăn nuôi, quản lý dịch bệnh và an toàn thực phẩm cho người chăn nuôi thông qua các chương trình dạy nghề, hoạt động khuyến nông.

- Thay đổi cách tiếp cận về phương thức quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm để người sản xuất, kinh doanh tự chủ động trong việc kiểm soát chất lượng, an toàn sản phẩm của mình trước khi đưa ra thị trường.

3. Nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi

- Đưa các loại giống vật nuôi có năng suất, chất lượng phù hợp với điều kiện sản xuất trên địa bàn xã, từng phương thức chăn nuôi; hỗ trợ tích cực cho chương trình xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, sản phẩm chăn nuôi sản xuất theo chuỗi và truy xuất được nguồn gốc. Tiếp thu nhanh các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ.

- Tiếp tục cải tiến nâng cao tầm vóc đàn bò trong huyện, phát triển mạng lưới thụ tinh nhân tạo và sử dụng một số giống bò có khả năng thích nghi với điều kiện sinh thái trong huyện để tạo đàn cái nền phục vụ cho lai tạo giống bò thịt chất lượng cao.

- Bình tuyển, chọn lọc đàn trâu trong sản xuất, tạo đàn cái nền và đực giống tốt cung cấp cho nhu cầu cải tiến, nâng cao chất lượng đàn giống, thực hiện tốt giải pháp đảo đực giống giữa các vùng nhằm tránh tình trạng cận huyết

và phát huy ưu thế lai.

- Quản lý giống lợn, giống gia cầm gắn với từng vùng sản xuất, từng thương hiệu sản phẩm. Hằng năm, tổ chức đánh giá, bình tuyển chất lượng đàn lợn giống phẩm cấp giống, đàn gia cầm trên địa bàn nhằm loại thải giống kém chất lượng, không có lý lịch, nguồn gốc rõ ràng. Kiểm tra đánh giá chất lượng tinh lợn đực giống tham gia thụ tinh nhân tạo.

4. Nâng cao chất lượng, hạ giá thành thức ăn chăn nuôi

- Khuyến khích kêu gọi đầu tư, xây dựng các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp, chế phẩm sinh học dùng thay thế kháng sinh, hóa chất sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, nâng cao giá trị dinh dưỡng các nguồn phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp, như: men, bã bia, bã sắn, phụ phẩm lò mổ, đầu xương...; khuyến khích các cơ sở chăn nuôi sử dụng thức ăn tự nghiền, phối trộn để giảm chi phí giá thành sản xuất.

- Chuyển đổi, tận dụng diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng cỏ, trồng ngô sinh khối. Đặc biệt là trồng ngô sinh khối trên đất bãi và vụ đông trên đất 02 vụ lúa,... kết hợp với công nghệ chế biến thức ăn thô xanh hỗn hợp để phát triển chăn nuôi, vỗ béo trâu, bò, dê.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng thức ăn chăn nuôi, nhất là các chỉ tiêu an toàn đối với thức ăn chăn nuôi, phát hiện và xử lý nghiêm theo pháp luật các trường hợp sản xuất, bổ sung chất cấm, chất kích thích sinh trưởng cấm dùng trong thức ăn chăn nuôi.

5. Ứng dụng công nghệ hỗ trợ ngành chăn nuôi

Khuyến khích ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong quản lý ngành và quản trị hoạt động kinh doanh chăn nuôi, nhất là các phần mềm tin học phù hợp với đặc thù của chăn nuôi trang trại và chăn nuôi nông hộ.

6. Đổi mới tổ chức sản xuất.

- Khuyến khích phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới, mô hình khởi nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi làm cầu nối giữa các nông hộ, trang trại với các doanh nghiệp lớn và thị trường.

- Tổ chức sản xuất các ngành hàng sản phẩm chăn nuôi theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại và hiệu quả gắn với các chuỗi liên kết, trong đó phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp, tổ hợp tác và hợp tác xã.

- Tổ chức lại chăn nuôi nông hộ theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học, dịch bệnh, môi trường phù hợp với quy mô, tiến tới lâu dài là giảm bớt hình thức chăn nuôi nông hộ. Thực hiện khai báo chăn nuôi ban đầu với UBND cấp xã để kiểm soát tình hình dịch bệnh, nắm bắt tổng đàn, khuyến cáo chăn nuôi.

7. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

- Chủ động tổ chức và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn dịch bệnh đàn gia súc, gia cầm và các vật nuôi khác; xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh, nhất là cơ sở sản xuất giống và vùng chăn nuôi tập trung; thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với cơ

sở chăn nuôi quy mô lớn; tăng cường quản lý nhà nước về cơ sở chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ; quản lý công tác giống vật nuôi theo quy định; triển khai thực hiện quản lý cơ sở dữ liệu trong chăn nuôi; công tác khai báo ban đầu về chăn nuôi và xử lý vi phạm,...

- Áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, thực hành chăn nuôi tốt (VietGahp) đối với các cơ sở chăn nuôi. Đẩy mạnh tỷ lệ tiêm phòng bắt buộc và có biện pháp loại trừ các cá thể mang trùng đối với các bệnh nguy hiểm, tạo đàn gia súc, gia cầm sạch bệnh.

- Tăng cường kiểm soát môi trường và nâng cao hiệu quả xử lý chất thải chăn nuôi. Đẩy mạnh ứng dụng các loại công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi gắn với sản xuất phân bón hữu cơ, sản xuất năng lượng tái tạo và chăn nuôi côn trùng (như giun quế,...) có lợi cho sản xuất.

- Tăng cường kiểm tra chặt chẽ công tác phòng chống dịch bệnh, vệ sinh thú y tại các xã, thị trấn để hạn chế phát sinh và lây lan dịch bệnh.

8. Nâng cao năng lực giết mổ và chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức lại hệ thống giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm theo hướng tập trung, công nghiệp gắn với vùng chăn nuôi hàng hóa, bảo đảm yêu cầu về vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi.

- Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển hoạt động giết mổ tập trung, cần tăng cường các biện pháp quản lý đối với công tác giết mổ, nhất là các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, thủ công không bảo đảm vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.

9. Khoa học và công nghệ.

- Đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng chuyển giao các công nghệ mới, tiên tiến trong chăn nuôi. Ưu tiên hoạt động ứng dụng công nghệ sinh học và chuyển giao quy trình.

- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào quy trình sản xuất, sản xuất thức ăn, chăm sóc vật nuôi; tập trung đẩy mạnh hình thức chăn nuôi với quy mô công nghiệp, trang trại.

- Từng bước nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác quản lý nhà nước trong chăn nuôi.

10. Triển khai có hiệu quả các chính sách, cơ chế hỗ trợ, khuyến khích phát triển chăn nuôi.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành; rà soát, ban hành mới các cơ chế phát triển chăn nuôi nhất là đối với các khu vực cấm chăn nuôi phải di dời.

- Chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai cho các cơ sở chăn nuôi trang trại tập trung, cơ sở giết mổ tập trung ..vv.

- Hỗ trợ áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ

sinh học trong sản xuất, hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình, chuỗi liên kết trong chăn nuôi, nhất là đối với khu vực chăn nuôi nông hộ thông qua khuyến khích hình thức hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào chăn nuôi có gắn kết với các trang trại, hộ chăn nuôi.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN.

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách huyện đảm bảo theo quy định, được phân bổ từ các nguồn vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch và kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

2. Kinh phí tự có của các tổ chức kinh tế; huy động các nguồn lực tài chính hợp pháp từ các nhà tài trợ, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Đối với các thôn:

- Tiến hành tổ chức hội nghị tổng kết công tác chăn nuôi hàng năm, từng giai đoạn, xây dựng kế hoạch, đề ra mục tiêu, chỉ tiêu và các giải pháp để thực hiện có hiệu quả công tác chăn nuôi hàng năm, từng giai đoạn .

- Căn cứ quy định mật độ chăn nuôi mà UBND tỉnh đã ban hành (01 đơn vị vật nuôi/01 ha diện tích đất nông nghiệp), tiến hành rà soát diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn các thôn, Rà soát lại các quỹ đất phù hợp để phát triển chăn nuôi, tạo điều kiện để người dân thuê, thâu đất lâu dài để phát triển chăn nuôi theo đúng quy định.

- Trên cơ sở lợi thế của đơn vị, phối hợp với các phòng, ngành chuyên môn để khuyến cáo, tư vấn để người dân phát triển chăn nuôi mà địa phương đem lại hiệu quả kinh tế cao, chăn nuôi gắn với bao tiêu sản phẩm, bảo vệ môi trường, an toàn VSTP.

- Chỉ đạo quyết liệt hơn, hiệu quả hơn trong công tác thú y, đặc biệt là công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm (GSGC), xử lý nghiêm các trường hợp cố tình không thực hiện tiêm phòng bắt buộc cho đàn GSGC, các trường hợp chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường và không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo đúng quy định.

2. Ban nông nghiệp xã- Công chức địa chính xã:

- Phối hợp với các phòng, ngành chuyên môn cấp huyện thực hiện tốt các dịch vụ công trong chăn nuôi như: Công tác chuyển giao các tiến bộ KHKT mới, con nuôi mới để người dân biết và thực hiện; xây dựng các mô hình con nuôi, lựa chọn các mô hình chăn nuôi có hiệu quả và có khả năng phù hợp với điều kiện kinh tế các hộ dân trên địa bàn huyện để xây dựng, hội thảo nhằm nhân rộng mô hình chăn nuôi có hiệu quả kinh tế cao trên địa bàn xã.

- Phối hợp với các phòng, ngành liên quan và UBND các xã lân cận, làm tốt công tác tham mưu, hướng dẫn thực hiện phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm để chăn nuôi đạt hiệu quả cao.

- Tham mưu tìm kiếm các doanh nghiệp chăn nuôi vào đầu tư, liên kết chăn nuôi trên địa bàn xã; tham mưu có hiệu quả việc thực hiện các chính sách hỗ trợ của Trung ương, tỉnh.

- Phối hợp tham mưu xây dựng một số mô hình về chăn nuôi cho hiệu quả kinh tế cao để làm cơ sở học tập và nhân rộng

- Phối hợp tốt với các phòng, ngành liên quan tham mưu, chỉ đạo các thôn, tiếp túc rà soát đề nghị bổ xung, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất để xây dựng các trang trại chăn nuôi phù hợp và đúng quy định; Chủ trì tham mưu chỉ đạo công tác đảm bảo vệ sinh môi trường đối với các gia trại, trang trại, khu vực chăn nuôi theo đúng quy định.

3. Ban văn hóa xã:

- Chủ động phối với các ngành thực hiện xây dựng tin bài phát thanh, tăng cường thời lượng phát thanh để người dân hiểu rõ hơn về các chính sách trong chăn nuôi để đăng ký thực hiện, chăn nuôi phải đảm bảo vệ sinh môi trường và đúng quy định, chăn nuôi phải chủ động phòng chống dịch bệnh và tiêm phòng vắc xin cho gia súc, gia cầmvv.

- UBND xã đề nghị Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã: Chỉ đạo hội cấp cơ sở, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân phát triển chăn nuôi đảm bảo kế hoạch đề ra, chăn nuôi phải đảm bảo an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm./.

Nơi nhận:

- Tr Đảng uỷ, HĐND để(b/c);
- Phòng NN&PTNT huyện Cẩm Thủy để(b/c);
- Các ngành, đoàn thể xã(t/h);
- Các thôn(t/h);
- Lưu VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Hải

Phụ lục 1:
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2022)

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Ngành/ Đơn vị chủ trì	Ngành/ Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Công tác tuyên truyền			
1	Hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống truyền thanh, truyền hình trong huyện đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về các mục tiêu, quan điểm, vai trò và tầm quan trọng của chăn nuôi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.	Công chức văn hóa	Các ngành, đoàn thể	Hàng năm
2	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực chăn nuôi; tập huấn Luật Chăn nuôi, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm gắn với giết mổ, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Công chức văn hóa	Các ngành, đoàn thể	Hàng năm
3	Mở các chuyên mục, chuyên đề/đưa tin, bài về nội dung Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi của huyện và các hoạt động thực hiện Kế hoạch của đơn vị.	Công chức văn hóa	Các ngành, đoàn thể	Hàng năm
4	Thực hiện công tác tuyên truyền và chỉ đạo phát các bản tin trên hệ thống phát thanh truyền hình cấp huyện, đài phát thanh xã, hệ thống loa truyền thanh khu phố, thôn xóm về văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực chăn nuôi, chiến lược phát triển chăn nuôi	Công chức văn hóa	Các ngành, đoàn thể	Hàng năm

5	Tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền đến tận cơ sở về việc thực hiện các biện pháp phòng chống nắng nóng, phòng chống đói rét cho vật nuôi trong điều kiện biến đổi khí hậu, nhằm bảo vệ đàn vật nuôi.	Công chức Nông nghiệp	Các ngành, đoàn thể	Hàng năm
II	Nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi			
1	Đẩy mạnh công tác thụ tinh nhân tạo cho gia súc, nhằm cải tiến, nâng cao tầm vóc đàn vật nuôi, tránh tình trạng cận huyết, đồng thời phát huy ưu thế lai trong chăn nuôi, tăng năng suất, sản lượng, chất lượng	Công chức Nông nghiệp, CB Thú y	Cơ sở chăn nuôi,	Hàng năm
2	Quản lý trâu, bò, lợn đực giống tham gia khai thác tinh và thụ tinh nhân tạo; kiểm tra, đánh giá chất lượng tinh trâu, bò, lợn của các cơ sở chăn nuôi trâu, bò, lợn đực giống tham gia thụ tinh nhân tạo.	Công chức Nông nghiệp, CB Thú y	Cơ sở chăn nuôi,	Hàng năm
3	Xây dựng kế hoạch cung ứng, phân bổ tinh, vật tư phối giống cải tạo, cải tiến giống vật nuôi, nâng cao năng xuất, chất lượng giống vật nuôi trên địa bàn.	Công chức Nông nghiệp, CB Thú y	Cơ sở chăn nuôi,	Hàng năm
4	Tăng cường quản lý nhà nước về giống vật nuôi của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung ứng giống vật nuôi, các chương trình, dự án hỗ trợ con giống cho nông dân để đảm bảo sinh kế, phát triển sản xuất.	Công chức Nông nghiệp, CB Thú y	Cơ sở chăn nuôi,	Hàng năm
5	Nâng cao năng lực quản lý và sản xuất chăn nuôi theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong quản lý, sản xuất giống, vật tư chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh.	Công chức Nông nghiệp, CB Thú y	Cơ sở chăn nuôi,	Hàng năm
6	Tăng cường công tác cập nhật tình hình dự báo thời tiết khi hậu; kịp thời phổ biến, hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng một số biện pháp phòng chống nắng nóng, đói rét cho đàn vật nuôi trên địa bàn	Công chức Nông nghiệp, CB Thú y	Cơ sở chăn nuôi,	Hàng năm

7	Xây dựng, cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu thực hiện chuyển đổi số trong chăn nuôi theo quy định Luật Chăn nuôi; hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản và hỗ trợ quảng bá thương hiệu cho các sản phẩm chăn nuôi.	Công chức Nông nghiệp, CB Thú y	Cơ sở chăn nuôi,	2022-2030
8	Định hướng phát triển theo chăn nuôi theo vùng phù hợp với điều kiện địa lý, khí hậu, đất đai và trình độ chăn nuôi.	Công chức Nông nghiệp, CB Thú y	Cơ sở chăn nuôi,	2022-2030
9	Xây dựng các vùng/khu trang trại chăn nuôi tập trung ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường, cung cấp nguyên liệu cho cơ sở, nhà máy giết mổ tập trung.	Công chức Nông nghiệp, CB Thú y	Cơ sở chăn nuôi,	2022-2030
10	Xây dựng các chuỗi giá trị sản xuất chăn nuôi gắn với giết mổ, chế biến, tiêu thụ và được thông qua các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.	Công chức Nông nghiệp, CB Thú y	Cơ sở chăn nuôi,	2022-2030
11	Phát triển con nuôi đặc sản theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo sản xuất gắn với chỉ dẫn địa lý và thương hiệu đặc trưng của từng địa phương	Công chức Nông nghiệp, CB Thú y	Cơ sở chăn nuôi,	2022-2030
12	Thực hiện khai báo chăn nuôi ban đầu với UBND cấp xã để kiểm soát tình hình dịch bệnh, nắm bắt tổng đàn, khuyến cáo chăn nuôi; Kiểm tra, điều kiện chăn nuôi nông hộ đáp ứng các quy định của Luật Chăn nuôi, Luật Thú;	Công chức Nông nghiệp, CB Thú y	Cơ sở chăn nuôi,	2022-2030
13	Xây dựng các mô hình nuôi chăn nuôi áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, giảm giá thành sản xuất, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; các mô hình nuôi hữu cơ, nuôi sinh thái, áp dụng các tiêu chuẩn chứng nhận thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP); phát triển con nuôi đặc sản.	Công chức Nông nghiệp, CB Thú y	Cơ sở chăn nuôi,	2022-2030

III	Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường			
1	Tăng cường việc kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân sở hữu cơ sở chăn nuôi trang trại việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, sử dụng kháng sinh.	Công chức Nông nghiệp, Địa chính- HTX, CB Thú y	Cơ sở chăn nuôi,	2022-2030
2	Rà soát, đánh giá phân loại các loại hình chăn nuôi trên địa bàn (nông hộ, trang trại: quy mô nhỏ, vừa, lớn). Kiểm tra, đánh giá thẩm định cấp, cấp lại giấy chứng nhận trang trại chăn nuôi quy mô lớn và điều kiện duy trì; tăng cường kiểm tra, điều kiện các cơ sở chăn nuôi	Công chức Nông nghiệp, Địa chính- HTX, CB Thú y	Cơ sở chăn nuôi,	2022-2030

